

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy trình thực hiện liên thông thủ tục hành chính
lĩnh vực Đất đai – Thuế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 319/TTr-VPUBND ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình thực hiện liên thông 47 thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai (tại Phụ lục 1) và 07 thủ tục hành chính lĩnh vực Thuế (tại Phụ lục 2).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chủ trì, xây dựng, cấu hình, bổ sung tính năng, chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Gia Lai đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ các bước theo Quy trình được phê duyệt; thời gian hoàn thành trước ngày 20 tháng 10 năm 2025. Làm đầu mối phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Gia Lai và các đơn vị liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Gia Lai tham mưu việc công bố danh mục nhóm thủ tục hành chính thực hiện liên thông theo quy định của pháp luật về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Gia Lai và các đơn vị truyền thông trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính hồ sơ đất đai theo quy trình được phê duyệt.

3. Thuế tỉnh Gia Lai, Kho bạc Nhà nước tỉnh khu vực XV, Ngân hàng Nhà nước khu vực XI: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp thực hiện các biện pháp nghiệp vụ xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính đảm bảo đúng thời gian quy định; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện việc kết nối các hệ thống phần mềm chuyên ngành của Trung ương với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo giải quyết thông suốt, toàn trình trên môi trường điện tử các hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai có yêu cầu nghĩa vụ tài chính.

4. Thuế tỉnh Gia Lai tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng eTax Mobile trên điện thoại thông minh để thực hiện nghĩa vụ tài chính trên lĩnh vực Đất đai.

5. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn bổ sung nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính (nhất là việc sử dụng ứng dụng eTax Mobile trên điện thoại thông minh) đối với các thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai quy trình thực hiện liên thông thủ tục hành chính Đất đai – Thuế tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; chỉ đạo công chức, viên chức và lực lượng liên quan làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các bước để hoàn thành nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai theo quy trình được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Các đơn vị ngân hàng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

Thao

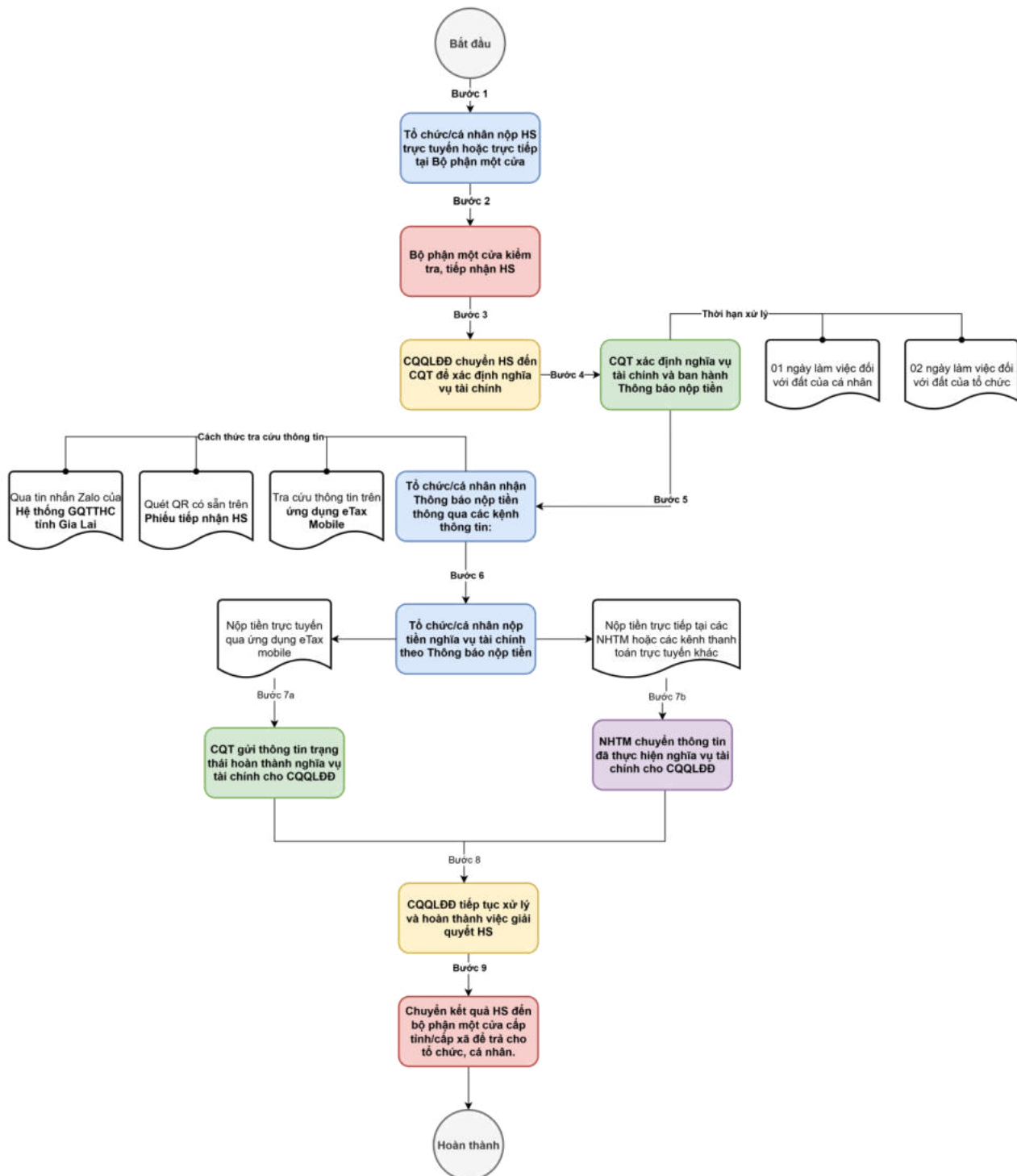
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH
THỰC HIỆN LIÊN THÔNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI – THUẾ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. LƯU ĐỒ MÔ TẢ QUY TRÌNH



II. QUY TRÌNH CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Bước 1: Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đất đai bằng hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh/cấp xã.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp tỉnh/cấp xã kiểm tra thông tin, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến các cơ quan quản lý đất đai để thụ lý, giải quyết.

Bước 3: Cơ quan quản lý đất đai chuyển hồ sơ đến các cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

Bước 4: Cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính và ban hành **Thông báo nộp tiền** trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với đất của cá nhân và 02 ngày làm việc đối với đất của tổ chức kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ từ Cơ quan quản lý đất đai.

Bước 5: Tổ chức/cá nhân nhận **Thông báo nộp tiền** thông qua các kênh thông tin sau đây:

(i) Qua tin nhắn ZALO của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai;

(ii) Quét mã QR có sẵn trên **Phiếu tiếp nhận và hện trả kết quả**;

(iii) Tra cứu thông tin trên ứng dụng eTax Mobile (được cài đặt trên điện thoại thông minh).

Bước 6: Tổ chức/cá nhân nộp tiền nghĩa vụ tài chính theo nội dung **Thông báo nộp tiền**

Bước 7: Sau khi tổ chức/cá nhân nộp tiền nghĩa vụ tài chính thì các cơ quan, đơn vị tiến hành xác nhận Tổ chức/cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, cụ thể như sau:

(i) Trường hợp Tổ chức/cá nhân thanh toán qua ứng dụng eTax Mobile thì cơ quan Thuế xác nhận Tổ chức/cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thời hạn 04 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tiếp nhận được thông tin **Chứng từ nộp tiền** của tổ chức/cá nhân và Cơ quan thuế gửi trạng thái hoàn thành nghĩa vụ tài chính của Tổ chức/ cá nhân đến cơ quan quản lý đất đai thông qua ứng dụng QLTB.

(ii) Trường hợp Tổ chức/cá nhân thực hiện thanh toán tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh được Kho bạc Nhà nước khu vực 15 ủy nhiệm thu các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc qua hình thức chuyển khoản: Ngân hàng thương mại chuyển thông tin Chứng từ nộp tiền của Tổ chức/cá nhân thông qua **Kênh tiếp nhận Chứng từ nộp tiền trực tuyến** do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp tại địa chỉ: <https://khaosattructuyen.gialai.gov.vn>.

Bước 8: Cơ quan quản lý đất đai tiếp tục xử lý, hoàn thành việc giải quyết hồ sơ.

Bước 9: Kết quả của hồ sơ được chuyển đến bộ phận một cửa cấp tỉnh/cấp xã để trả cho Tổ chức/cá nhân./.

Phụ lục 1
DANH SÁCH 47 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
ÁP DỤNG QUY TRÌNH THỰC HIỆN LIÊN THÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện
1	1.013994.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Cấp Tỉnh
2	1.013977.H21	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Cấp Tỉnh
3	1.013828.H21	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Cấp Tỉnh
4	1.013827.H21	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa.	Cấp Tỉnh
5	1.013946.H21	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Cấp Tỉnh
6	1.013826.H21	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Cấp Tỉnh
7	1.013823.H21	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Cấp Tỉnh
8	1.013945.H21	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Cấp Tỉnh

9	1.013825.H21	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Cấp Tỉnh
10	2.002750.H21	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Cấp Tỉnh
11	1.012821.H21	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Cấp Tỉnh
12	1.012805.H21	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Cấp Tỉnh
13	1.012781.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Cấp Tỉnh
14	1.012756.H21	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Cấp Tỉnh
15	1.012793.H21	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
16	1.013993.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Cấp Tỉnh
17	1.013980.H21	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Cấp Tỉnh
18	1.013947.H21	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Cấp Tỉnh

19	1.013995.H21	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Cấp Tỉnh
20	1.013988.H21	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Cấp Tỉnh
21	1.013833.H21	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Cấp Tỉnh
22	1.013831.H21	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Cấp Tỉnh
23	1.013992.H21	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Cấp Tỉnh
24	1.012791.H21	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Cấp Tỉnh
25	1.012782.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Cấp Tỉnh
26	1.012789.H21	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
27	1.012787.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Cấp Tỉnh

28	1.012785.H21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Cấp Tỉnh
29	1.012783.H21	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh
30	1.012790.H21	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Cấp Tỉnh
31	1.012786.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Cấp Tỉnh
32	1.012784.H21	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Cấp Tỉnh
33	1.012766.H21	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Cấp Tỉnh
34	1.013979.H21	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Cấp Xã
35	1.013962.H21	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Cấp Xã
36	1.013953.H21	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Cấp Xã

37	1.013952.H21	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Cấp Xã
38	1.013967.H21	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã
39	1.013978.H21	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cấp Xã
40	1.013965.H21	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Cấp Xã
41	1.013950.H21	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Cấp Xã
42	1.013949.H21	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Cấp Xã
43	1.012818.H21	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Cấp Xã
44	1.012796.H21	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Cấp Xã
45	1.012817.H21	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Cấp Xã
46	1.012753.H21	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Cấp Xã
47	1.012812.H21	Hòa giải tranh chấp đất đai	Cấp Xã

Phụ lục 2
DANH SÁCH 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ
ÁP DỤNG QUY TRÌNH THỰC HIỆN LIÊN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	1.007684	Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam.	Thuế cơ sở
2	1.007678	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản.	Thuế cơ sở
3	1.007682	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)	Thuế cơ sở
4	1.007684	Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam.	Thuế cơ sở
5	1.007277	Khai lệ phí trước bạ nhà, đất/ Miễn lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế cơ sở
6	1.007700	Khai lệ phí trước bạ/ Miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản khác theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ (trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam)	Thuế cơ sở
7	1.008568	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất	Thuế tỉnh/ Thuế cơ sở